

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành “Quy định về hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Tây Nguyên”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về việc Ban hành Quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ;

Căn cứ Quyết định 1749/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc ban hành quy định xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng cấp Bộ, trong toàn quốc của sáng kiến; xét, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ, trong toàn quốc của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tây Nguyên ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐTr ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường, Trường Đại học Tây Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Khoa học và Quan hệ quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Tây Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 1701/QĐ-ĐHTN-KH&QHQT ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên.

Điều 3. Trường phòng Khoa học và Quan hệ Quốc tế, trưởng các đơn vị, viên chức, người lao động, người học trong Trường và các tổ chức, cá nhân ngoài Trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy (đề b/c);
- Hội đồng Trường (đề b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, KHQHQT.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Lê Đức Niêm

QUY ĐỊNH

VỀ hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Tây Nguyên

(Ban hành theo Quyết định số 16.11.../QĐ-ĐHTN ngày 12 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là KHCN) của Trường Đại học Tây Nguyên (sau đây gọi là Trường).
2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, viên chức, người lao động, người học trong Trường và các tổ chức, cá nhân ngoài Trường có liên quan đến hoạt động KHCN của Trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tiềm lực KHCN bao gồm nhân lực khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ, cơ sở vật chất, thông tin và nguồn tài chính thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
2. Hoạt động KHCN là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ gắn kết với đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
3. Nhóm nghiên cứu: Là tập thể các nhà khoa học thực hiện các hoạt động nghiên cứu và đào tạo nhân lực chất lượng cao cho Trường và xã hội. Sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhóm góp phần nâng cao vị thế và tạo sản phẩm mang thương hiệu của Nhà trường. Nhóm nghiên cứu tự xây dựng hướng nghiên cứu và phát triển khoa học dài hạn, có mục tiêu và kế hoạch nghiên cứu cho từng giai đoạn.
4. Nhóm nghiên cứu mạnh là tập thể các nhà khoa học do một nhà khoa học có uy tín, có năng lực, trình độ chuyên môn cao tại Trường đứng đầu dẫn dắt phát triển một hướng nghiên cứu có tính liên ngành, dài hạn, có tính tiên phong, đột phá; có mục tiêu, kế hoạch, nội dung nghiên cứu trong từng giai đoạn cụ thể để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ.
5. Hoạt động đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học là hoạt động tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý của cơ sở giáo dục đại học để nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị của sản phẩm, hàng hóa, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.
6. Hoạt động sáng kiến bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.

Điều 3. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ KHCN các cấp, bao gồm chương trình, đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm, nhiệm vụ KHCN khác;
2. Sở hữu trí tuệ, ứng dụng và chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dịch vụ KHCN, sản xuất kinh doanh;
3. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý, giảng viên về nghiên cứu khoa học;
4. Dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm liên ngành và chuyên ngành, dự án nâng cấp tạp chí khoa học, dự án sửa chữa, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, số hóa thư viện, hạ tầng thông tin;
5. Nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên theo học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, nghiên cứu sinh (sau đây gọi chung là người học), viên chức, người lao động trong Trường (sau đây gọi chung là viên chức);
6. Hợp tác KHCN trong nước và quốc tế;
7. Thông tin, thống kê về KHCN; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;
8. Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho viên chức, người học, các tổ chức, cá nhân liên quan; thành lập, thúc đẩy hoạt động của các trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ;
9. Tài chính cho hoạt động KHCN;
10. Các nội dung hoạt động KHCN khác có liên quan.

Điều 4. Hình thức của hoạt động khoa học và công nghệ

1. Thực hiện các nhiệm vụ KHCN, sáng kiến các cấp của viên chức.
2. Hoạt động sở hữu trí tuệ, ứng dụng và chuyển giao, thương mại hóa kết quả NCKH và phát triển công nghệ; dịch vụ KHCN, sản xuất kinh doanh.
3. Công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học và kỳ yếu hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.
4. Tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, seminar chuyên đề các cấp.
5. Thông tin, thống kê về KHCN; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.
6. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ viên chức về nghiên cứu khoa học.
7. Thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST trong Trường và các hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ với các đối tác trong và ngoài nước.
8. Hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh.
9. Hoạt động trao đổi chuyên gia về KHCN.
10. Thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về KHCN với các đối tác nước ngoài có uy tín theo quy định.
11. Tiếp nhận tài trợ, viện trợ từ các tổ chức nước ngoài có uy tín theo quy định.
12. Thanh tra, kiểm tra, tổng kết, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động KHCN của Trường.

Điều 5. Các loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ KHCCN có yếu tố nước ngoài

a) Đề tài, dự án, phi dự án, chương trình sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ hoặc liên quốc gia, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền.

b) Chương trình, dự án, phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

c) Nhiệm vụ KHCCN ký kết với các đối tác nước ngoài thực hiện theo hình thức thỏa thuận hợp tác, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng chuyển giao công nghệ có phát sinh lợi nhuận để phân chia.

2. Nhiệm vụ KHCCN cấp quốc gia

a) Nhiệm vụ KHCCN cấp quốc gia: do Thủ trưởng các Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (gọi là Bộ chủ trì nhiệm vụ) quyết định phê duyệt giao cho Trường hoặc đơn vị trực thuộc Trường chủ trì và cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện.

b) Đề tài KHCCN NAFOSTED: do Quỹ phát triển KHCCN quốc gia phê duyệt, giao cho Trường hoặc đơn vị trực thuộc Trường chủ trì và cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện.

3. Nhiệm vụ KHCCN cấp bộ, cấp tỉnh

a) Nhiệm vụ KHCCN cấp bộ: do Bộ trưởng quyết định phê duyệt giao cho Trường hoặc đơn vị trực thuộc Trường chủ trì và cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện.

b) Nhiệm vụ KHCCN cấp tỉnh: do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt giao Trường hoặc đơn vị trực thuộc Trường chủ trì và cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện.

4. Nhiệm vụ KHCCN cấp cơ sở, cơ sở trọng điểm

a) Đề tài KHCCN và dự án KHCCN đặt hàng cấp Trường: do Hiệu trưởng phê duyệt giao cho các đơn vị của Trường chủ trì và cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện.

b) Đề tài, dự án, dịch vụ KHCCN hợp tác với doanh nghiệp hoặc hợp tác với địa phương (không thuộc nhiệm vụ KHCCN cấp tỉnh): do Trường hoặc đơn vị trực thuộc Trường chủ trì và giao cho cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện.

Điều 6. Mục tiêu của hoạt động khoa học và công nghệ trong Trường

1. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học, năng lực nghiên cứu và khả năng ứng dụng khoa học và công nghệ của giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý, viên chức.

2. Hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học; phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao.

3. Tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới để phát triển khoa học và giáo dục, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

4. Thực hiện nhiệm vụ KHCCN, áp dụng các kết quả nghiên cứu nhằm phát triển giáo

dục và đào tạo, kinh tế - xã hội của địa phương và doanh nghiệp.

5. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, phát triển tiềm lực KHCN của Trường, thúc đẩy hội nhập với nền KHCN tiên tiến, hiện đại trong khu vực và thế giới.

6. Tăng cường mối quan hệ, hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ giữa Trường với địa phương, doanh nghiệp và hệ thống giáo dục phổ thông tại địa phương; thúc đẩy việc hợp tác nghiên cứu với các cơ sở giáo dục đại học, viện, trung tâm nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

7. Tạo ra nguồn thu từ các hoạt động KHCN.

8. Góp phần hoàn thành tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi; từng bước nâng cao vị thế của Trường.

Điều 7. Nguồn kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nguồn kinh phí cho hoạt động KHCN, bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước cấp;
- b) Nguồn thu sự nghiệp của Trường;
- c) Nguồn các chương trình, dự án hợp tác quốc tế;
- d) Nguồn tài trợ trong và ngoài nước;
- e) Nguồn từ hoạt động hợp tác doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ, chuyển giao KHCN;
- f) Các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Chi cho hoạt động KHCN

Nội dung và định mức chi trong dự toán được duyệt; áp dụng theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 8. Cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ

1. Chủ nhiệm và cá nhân được quyền đăng ký sử dụng các trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm của các đơn vị trong Trường và thực hiện theo Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành.

2. Việc quản lý và mua sắm các trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ KHCN được thực hiện theo Quy định về quản lý tài sản cố định, tài sản công cụ và vật liệu; Quy trình tiếp nhận hàng viện trợ; Trình tự thủ tục mua sắm, bảo dưỡng sửa chữa, điều động và thanh lý tài sản cố định, tài sản công cụ hiện hành của Trường.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 9. Quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có yếu tố nước ngoài

1. Hằng năm, trên cơ sở thông báo về việc đề xuất các chương trình, dự án, phi dự án của các tổ chức có yếu tố nước ngoài, Trường chuẩn bị và nộp hồ sơ tham gia ứng tuyển.

2. Khi đề xuất được xét chọn, Trường xây dựng văn kiện theo quy định và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi so với văn kiện đã

được phê duyệt, Trường thực hiện các thủ tục điều chỉnh theo quy định.

3. Trường báo cáo tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án theo thỏa thuận được kí kết và theo quy định của pháp luật.

4. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án theo thỏa thuận đã được ký kết.

Điều 10. Quản lý và thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, đề tài KHCN NAFOSTED và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hàng năm, trên cơ sở thông báo về việc đề xuất của cơ quan chủ quản các nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, NAFOSTED và cấp tỉnh, Nhà trường thông báo đến các đơn vị, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh. Các cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh căn cứ vào thông báo lập đề xuất nhiệm vụ KHCN gửi về Trường (qua Phòng KHQHQT) để tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ KHCN gửi về cơ quan chủ quản.

2. Khi đề xuất nhiệm vụ KHCN được cơ quan chủ quản phê duyệt, cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh hoàn thành thuyết minh nhiệm vụ KHCN gửi về cơ quan chủ quản. Cơ quan chủ quản phê duyệt và ký hợp đồng.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN (sau đây gọi là chủ nhiệm nhiệm vụ) có trách nhiệm nộp toàn bộ hồ sơ được phê duyệt về Phòng KHQHQT và Phòng Kế hoạch Tài chính (KHTC) chậm nhất là 90 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

4. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, NAFOSTED và cấp tỉnh nếu có thay đổi so với thuyết minh đã được phê duyệt, chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện các thủ tục theo quy định và báo cáo Trường (thông qua Phòng KHQHQT) việc thay đổi này.

5. Định kỳ, chủ nhiệm nhiệm vụ gửi báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ KHCN về Trường (thông qua Phòng KHQHQT) và cơ quan chủ quản theo quy định.

6. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN

a) Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia được đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở và cấp quốc gia theo quy định.

b) Nhiệm vụ KHCN NAFOSTED được đánh giá nghiệm thu theo các quy định của Quỹ NAFOSTED.

c) Nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh được đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở tại Trường và được đánh giá nghiệm thu chính thức tại Sở Khoa học và Công nghệ của các tỉnh chủ quản theo quy định.

7. Sau khi hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, trong vòng 30 ngày chủ nhiệm nhiệm vụ nộp 01 bộ hồ sơ về Trường (thông qua Phòng KHQHQT).

Điều 11. Quản lý và thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Quy trình triển khai và các mẫu biểu của đề tài khoa học cấp Bộ được thực hiện theo thông tư 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 04 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quản lý đề tài KHCN cấp Bộ.

1. Xét chọn đề xuất nhiệm vụ KHCN

a) Hàng năm theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT), Trường thông báo đến các đơn vị đề các cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh đăng ký đề

xuất nhiệm vụ KHCN cấp bộ nộp về Khoa. Khoa tổ chức họp Hội đồng xét chọn các đề xuất và nộp hồ sơ về Phòng KHQHQT. Hồ sơ (bản cứng và bản điện tử) gồm có:

- Đề xuất đề tài khoa học công nghệ cấp bộ (Mẫu 1 – Thông tư 11);
- Biên bản họp hội đồng của đơn vị tư vấn xác định đề tài KHCN cấp bộ (Mẫu PLI. B1);
- Danh mục đề xuất nhiệm vụ KHCN của đơn vị (Mẫu PLI. B2).

b) Xác định đề xuất nhiệm vụ KHCN cấp bộ

- Căn cứ số lượng phân bổ của Bộ GDĐT, Trường thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KHCN cấp bộ để đánh giá các đề xuất theo các lĩnh vực nghiên cứu (Mẫu PLI. B3; Mẫu PLI. B4; Mẫu PLI. B5; Mẫu PLI. B6). Hội đồng tư vấn xác định đề tài cấp bộ có từ 07 đến 09 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch, 01 thư ký và các ủy viên. Kết quả đánh giá được công bố trên website của Trường chậm nhất 07 (bảy) ngày kể từ ngày Hội đồng họp phiên chính thức, có kết luận cuối cùng bằng văn bản.

- Phòng KHQHQT tập hợp danh mục đề xuất được xét chọn gửi Bộ GDĐT.

2. Tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài KHCN cấp bộ

a) Trên cơ sở đề xuất nhiệm vụ KHCN được Bộ GDĐT phê duyệt, Trường thông báo đến các đơn vị và trên cổng thông tin điện tử của Trường trong thời gian ít nhất 15 ngày để các tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn. Tại thời điểm xét chọn, các trường hợp không được phê duyệt làm chủ nhiệm gồm đang làm chủ nhiệm đề tài cấp bộ hoặc các nhiệm vụ khoa học cấp bộ khác của Bộ GDĐT; Là chủ nhiệm của đề tài cấp bộ hoặc các nhiệm vụ khoa học cấp bộ khác của Bộ GDĐT bị thanh lý trong thời hạn 02 năm tính từ thời điểm có kết luận của Hội đồng thanh lý; Đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên. Các cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh đủ tiêu chuẩn được đăng ký tham gia xét chọn. Hồ sơ đăng ký gồm:

- Thuyết minh nhiệm vụ KHCN (Mẫu 6 - Thông tư 11).
- Tiềm lực khoa học của cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh (Mẫu 7 - Thông tư 11).
- Xác nhận của tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện nhiệm vụ KHCN (nếu có).

b) Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN cấp bộ theo các lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có ít nhất 1/3 thành viên Hội đồng là nhà khoa học ngoài Trường. Hội đồng tư vấn có nhiệm vụ đánh giá hồ sơ đăng ký và xét chọn theo đúng quy định của Bộ GDĐT (Mẫu PLI. B7; Mẫu PLI. B8; Mẫu PLI. B9; Mẫu PLI. B10; Mẫu PLI. B11). Trường công bố danh sách nhiệm vụ KHCN đã được xét chọn trên cổng thông tin điện tử của Trường chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi Hội đồng tư vấn công bố kết quả.

c) Các cá nhân, nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh có nhiệm vụ KHCN được xét chọn có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Bộ GDĐT và nộp về Phòng KHQHQT để làm thủ tục trình Bộ GDĐT phê duyệt.

d) Sau khi được Bộ GDĐT phê duyệt, Trường và chủ nhiệm nhiệm vụ ký kết hợp đồng triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN (Mẫu 13 - Thông tư 11).

e) Chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm nộp toàn bộ hồ sơ đã được Bộ GDĐT phê duyệt về Phòng KHQHQT và Phòng KHTC chậm nhất 30 ngày kể từ khi hợp đồng có